

NHẬN THỨC CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH VỀ MÔI TRƯỜNG HỖ TRỢ DẠY HỌC TÍCH CỰC: NGHIÊN CỨU TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

Nguyễn Thị Hà,
Hồ Văn Dũng⁺

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
+ Tác giả liên hệ • Email: dunghv72@gmail.com

Article history

Received: 18/4/2025

Accepted: 04/7/2025

Published: 05/9/2025

Keywords

Active teaching, active teaching environment, active learning, high schools

ABSTRACT

Teachers and students' perceptions of the teaching environment strongly influence the implementation and effectiveness of active learning. Understanding how teachers and students perceive an active learning environment provides essential insights for school administrators, as well as for teachers and students themselves, in building a learning environment that actively engages students, thereby enhancing the quality and effectiveness of teaching. Therefore, the purpose of this study is to explore the perceptions of high school teachers and students in the North Central region of Vietnam concerning active teaching environments. The findings of this study indicate that both teachers and students rated the active learning environment at a moderate level. Among the different aspects evaluated, the use of information technology and digital transformation received the lowest ratings, followed by the physical environment and the psychosocial environment. Overall, there was no significant difference between teachers and students in their assessments of the active teaching environment. These results provide important practical grounds for proposing effective measures to develop active learning environments in high schools.

1. Mở đầu

“Dạy học tích cực” (DHTC) là một định hướng dạy học nhằm tích cực hóa hoạt động của người học, ra đời như một nỗ lực cải tiến mô hình dạy học truyền thống vốn ít chú trọng đến vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của HS trong quá trình học tập (Trần Bá Hoành, 2005). Theo các nghiên cứu, DHTC được chứng minh là mang lại nhiều giá trị, ý nghĩa to lớn trong việc cải thiện và nâng cao hiệu quả dạy học, giúp HS có thái độ học tập tốt hơn, cải thiện năng lực tư duy, khả năng viết và nâng cao thành tích học tập (Bonwell & Eison, 1991). HS ghi nhớ dài hạn tốt hơn, nâng cao khả năng chú ý, hiểu biết sâu sắc nội dung học tập, tăng cường sự tham gia, tăng động lực và cải thiện kết quả học tập (Prince, 2004); tạo cơ hội để HS rèn luyện phát triển các kỹ năng cần thiết của thế kỷ XXI, tăng tương tác trong quá trình dạy học (Talbert & Mor-Avi, 2019).

Trong DHTC, môi trường giữ vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động dạy học đạt được kết quả mong muốn. Môi trường DHTC không chỉ tác động tích cực đến hứng thú học tập và hỗ trợ hiệu quả cho việc học của HS. Thực tế cho thấy, những hạn chế về môi trường dạy học là một trong các rào cản lớn trong việc triển khai DHTC tại nhà trường. Vì vậy, xây dựng môi trường DHTC được xem là giải pháp then chốt nhằm khắc phục những trở ngại này. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nhận thức của GV và HS về môi trường dạy học đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao động lực, hứng thú và thái độ học tập của HS; đồng thời góp phần củng cố niềm tin, tăng cường động lực và cảm nhận hiệu quả nghề nghiệp của GV, từ đó nâng cao thành tích học tập của HS trong quá trình dạy học (Ahmed et al., 2018; Reaves & Cozzens, 2018). Việc thấu hiểu nhận thức của GV và HS về môi trường DHTC cung cấp cơ sở quan trọng cho nhà quản lý, GV và cả HS trong việc xây dựng và phát triển môi trường DHTC phù hợp trong nhà trường.

Bài báo trình bày kết quả khảo sát về nhận thức của GV và HS THPT khu vực Bắc Trung Bộ về môi trường DHTC ở 3 khía cạnh: môi trường vật chất, môi trường tâm lý - xã hội và môi trường ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) và chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng môi trường DHTC, từ đó nâng cao chất lượng dạy học.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Các thành phần của môi trường dạy học tích cực

Nhiều nhà nghiên cứu đã xác định các yếu tố của môi trường DHTC nhằm định hướng cho nhà quản lí, GV trong việc xây dựng môi trường tại trường học một cách có hiệu quả. Theo đó, môi trường được xem xét ở 3 khía cạnh: (1) Môi trường vật chất; (2) Môi trường tâm lí - xã hội; (3) Môi trường UDCNTT và chuyển đổi số.

(1) *Môi trường vật chất* trong DHTC được tập trung nhiều hơn cho môi trường lớp học, bởi lớp học là không gian diễn ra hầu hết các hoạt động học tập của HS. Môi trường này cần được xây dựng với đặc trưng là đồ nội thất di động để có thể được sắp xếp các cách khác nhau nhằm hỗ trợ việc tổ chức HS thành các nhóm nhỏ, có bảng hiển thị phong phú và HS, GV tiếp cận với công nghệ một cách dễ dàng để tạo điều kiện cho việc hợp tác và thu hút sự tham gia của mọi HS trong học tập (Baepler et al., 2016; Talbert & Mor-Avi, 2019). Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu mở rộng hiểu biết của GV và HS về hoạt động dạy học, nhà trường cần quan tâm trang bị nguồn tài liệu tham khảo về lĩnh vực giảng dạy và học tập bên cạnh các nguồn tài liệu khác (Amirul et al., 2013; Grabinger & Dunlap, 1995).

(2) *Môi trường tâm lí - xã hội* có đặc trưng là tính tương tác cao, tạo cơ hội cho sự tương tác giữa GV - HS - HS và mọi HS đều nhận được sự quan tâm của GV (Buskirk-Cohen & Plants, 2019; Ahmed et al., 2018), HS có sự gắn kết với nhau, hài lòng với lớp học, các hoạt động trong lớp được tổ chức tốt và được đổi mới thường xuyên (Bonwell & Eison, 1991), HS có sự chuẩn bị để tham gia học tập và luôn sẵn sàng tham gia tích cực mọi hoạt động học tập (Probst, 2007). Để GV có thể tổ chức các hoạt động DHTC, môi trường nhà trường cũng cần có hỗ trợ mạnh mẽ về tinh thần trong việc chuyển đổi từ dạy học thụ động sang DHTC. Theo đó, môi trường tâm lí - xã hội còn có các đặc trưng như: quản trị nhà trường tập trung vào cải tiến giảng dạy và xem cải tiến giảng dạy là mục tiêu cao nhất mà nhà trường hướng tới (Dimmock, 2005; Walter et al., 2021), huy động sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình quản trị, ghi nhận và có phần thưởng xứng đáng cho những thành công trong lĩnh vực cải tiến giảng dạy của GV (Reaves & Cozzens, 2018), cung cấp đủ nguồn lực và tôn trọng việc giảng dạy (Lê Đức Quảng, 2018), cải tiến giảng dạy dựa trên tinh thần tập thể, nghĩa là mọi GV đều có cảm nhận rằng bản thân thuộc về cộng đồng, có sự tôn trọng lẫn nhau, đánh giá cao sự đóng góp của nhau và quan tâm đến hạnh phúc của nhau (Walter et al., 2021), GV được đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực giảng dạy thường xuyên (Dimmock, 2005; Walter et al., 2021), ghi nhận và đánh giá cao hiệu quả giảng dạy ở mọi GV, sử dụng giảng dạy hiệu quả như một tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại, khen thưởng... (Reaves & Cozzens, 2018).

(3) *Môi trường UDCNTT và chuyển đổi số hỗ trợ DHTC* được xây dựng với các đặc trưng: Có tính tương tác cao: HS được tương tác, giao tiếp với nhau và với GV thậm chí là với các thành viên của cộng đồng bên ngoài lớp học thông các hoạt động học tập hợp tác và đối thoại (OECD, 2021); Có tài liệu giảng dạy kỹ thuật số, nhờ đó HS có thể học bằng cách trích xuất một số nội dung tài liệu giảng dạy kỹ thuật số như sách điện tử, dữ liệu số hóa hoặc nội dung được trình bày bằng các phương pháp kỹ thuật số khác trong quá trình học tập (Grabinger & Dunlap, 1995); Có công cụ kỹ thuật số, giúp HS tiến hành hoạt động học tập như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và điện thoại thông minh, mạng nội bộ, Internet. HS có quyền truy cập thường xuyên và biết cách sử dụng các nguồn thông tin cả in ấn và điện tử được cung cấp cho hoạt động học tập (Grabinger & Dunlap, 1995); Học tập tự chủ, thể hiện ở việc HS được tham gia vào hoạt động học tập trực tuyến hoặc ngoại tuyến, HS luôn phải chuẩn bị trước để tiến hành hoạt động học tập và tự chịu trách nhiệm cho việc học của bản thân (Prince, 2004); Nhà trường có các chuyên gia về công nghệ thông tin tham gia hỗ trợ và hướng dẫn cũng như đào tạo UDCNTT (Walter et al., 2021).

2.2. Khái quát về quá trình tổ chức khảo sát

Khảo sát được tiến hành vào học kì 1 năm học 2024-2025 tại 24 trường THPT khu vực Bắc Trung Bộ thuộc các tỉnh: Thanh Hóa (gồm 4 trường THPT: Quan Sơn, Nông Cống, Hoàng Lê Kha, Thường Xuân), Nghệ An (1 trường là Nam Yên Thành), Hà Tĩnh (gồm 8 trường: Cẩm Xuyên, Đồng Lộc, Nghèn, Lý Tự Trọng, Hồng Lĩnh, Kỳ Anh, Nguyễn Trung Thiên, Nguyễn Du), Quảng Trị (gồm 4 trường: Vĩnh Định, Chu Văn An, Lê Lợi, Hướng Hóa), TP. Huế (gồm 7 trường: A Lưới, An Lương Đông, Đặng Trần Côn, Nguyễn Trường Tộ, Phan Đăng Lưu, Thuận An, Cao Thắng).

Sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên thuận tiện và điều tra bằng bảng hỏi bằng hình thức gián tiếp qua Google Forms (<https://forms.gle/nuuqtouRaJ2rHCpD8>, <https://forms.gle/q263qn128p45V84t8>). Bảng hỏi được thiết kế để khảo sát nhận thức của GV và HS về môi trường hỗ trợ DHTC gồm 26 biến trên thang đo Likert 5 mức độ từ 1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân Vãn; 4 - Đồng ý đến 5 - Hoàn toàn đồng ý. Mỗi mức độ được quy ước với khoảng điểm như sau: Hoàn toàn không đồng ý: $1,00 \leq \text{điểm trung bình (ĐTB)} \leq 1,80$; Không đồng ý: $1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$; Trung lập/Phân vãn: $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$; Đồng ý: $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$; Rất đồng ý: $4,20$

$< \text{ĐTB} \leq 5,00$. Trong đó có 7 biến về môi trường vật chất, 12 biến về môi trường tâm lý - xã hội, 7 biến về môi trường UĐCNTT và chuyển đổi số. Tổng cộng có 513 GV và 3027 HS đến từ 24 trường tham gia trả lời phiếu khảo sát. Nhóm tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý dữ liệu, với các chỉ số sau: ĐTB; Độ lệch chuẩn (ĐLC); kiểm định Independent Sample T-test so sánh sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình.

2.3. Kết quả khảo sát và thảo luận

2.3.1. Môi trường vật chất

Bảng 1. Đánh giá của HS và GV về môi trường vật chất

TT	Nội dung	HS		GV		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phòng học trang bị đồ nội thất di động có thể dễ dàng sắp xếp lại thành nhiều cách khác nhau nhằm xếp HS thành những nhóm nhỏ thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực (làm việc nhóm, làm việc theo cặp, trình bày sản phẩm học tập,...)	2,96	0,93	2,99	0,70	2,97	0,90
2	Nhà trường trang bị các tài liệu giúp GV và HS nâng cao hiểu biết về dạy và học	3,98	1,02	3,86	0,74	3,96	0,98
3	Phòng học được đầu tư các thiết bị công nghệ tốt hỗ trợ cho dạy học	2,95	0,93	2,96	0,61	2,95	0,89
4	Trường cung cấp điều kiện để HS có thể vừa học trong lớp, vừa học ngoài lớp (trong khuôn viên trường)	2,92	0,94	2,89	0,71	2,91	0,91
5	Cơ sở vật chất được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên	3,98	1,01	3,95	0,73	3,98	0,98
6	Có phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho học tập các môn học và HS được tham gia học tập trong các phòng này	2,92	0,98	2,99	0,60	2,93	0,93
7	Nhà trường có đủ nguồn tài liệu tham khảo cho GV và HS	3,55	0,90	3,67	0,86	3,57	0,89
ĐTB chung		3,32	0,71	3,33	0,55	3,32	0,69

Kết quả khảo sát cho thấy, ĐTB về môi trường vật chất hỗ trợ dạy học theo quan điểm tích cực nằm trong mức 3 - “Phân vân” với ĐTB chung = 3,32. Đây là mức ĐTB còn thấp. Xem xét ở từng biến cụ thể cho thấy, có 3 biến được khảo sát có ĐTB nằm trong mức độ “Đồng ý”, 4 biến được đánh giá ở mức độ “Phân vân”. So sánh giữa GV và HS cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về ĐTB chung của GV và HS. Điều này cho thấy, nhà trường đã quan tâm xây dựng môi trường vật chất hỗ trợ GV và HS triển khai thực hiện DHTC nhưng mức độ đáp ứng yêu cầu vẫn chưa cao. Nội dung được nhà trường quan tâm thực hiện ở mức độ thường xuyên và hiệu quả nhất là bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên về cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học. Đặc biệt, nhà trường cũng quan tâm trang bị các tài liệu giúp GV và HS nâng cao hiểu biết về dạy và học và cung cấp nguồn tài liệu tham khảo cho GV và HS.

Tuy nhiên, việc tổ chức đồ nội thất trong lớp học hiện được đánh giá là chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp HS thành những nhóm nhỏ để tổ chức các hoạt động học tập tích cực (làm việc nhóm, làm việc theo cặp, trình bày sản phẩm học tập,...). Điều kiện để HS có thể vừa học trong lớp, vừa học ngoài lớp ở trong khuôn viên trường còn khiêm tốn. Nhà trường cũng quan tâm xây dựng phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho học tập các môn học, nhưng còn chưa đáp ứng yêu cầu dạy học các môn học. Việc đầu tư các thiết bị công nghệ để hỗ trợ cho dạy học trong mỗi phòng học mặc dù đã được quan tâm nhưng vẫn còn thiếu thốn, chưa đồng bộ, chất lượng. Môi trường vật chất được đánh giá là có tác động đến hành vi và thành tích học tập của HS; giúp HS thấy thoải mái hơn khi học trong lớp, khuyến khích HS tham gia hoạt động. Đồng thời là công cụ giảng dạy của GV, GV cần một không gian lớp học linh hoạt để sử dụng phương pháp DHTC (Amirul et al., 2013; Baepler et al., 2016). Do đó, việc nâng cao nhận thức của GV và HS về môi trường vật chất của nhà trường là hết sức quan trọng.

2.3.2. Môi trường tâm lý - xã hội

Bảng 2. Đánh giá của HS và GV về môi trường tâm lý - xã hội

TT	Nội dung	HS		GV		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Môi trường hỗ trợ HS	HS được chuẩn bị để học tích cực (trang bị kiến thức về học tập, hình thành kỹ năng học tập,...)	3,67	0,70	3,74	0,51	3,68	0,68
	HS có cơ hội tương tác và mọi HS đều nhận được sự quan tâm từ GV	3,82	0,49	3,90	0,32	3,83	0,47
	HS gắn kết, hài lòng với lớp học của mình	3,81	0,51	3,85	0,42	3,82	0,50
	HS luôn sẵn sàng để tham gia mọi hoạt động học tập	3,80	0,55	3,78	0,42	3,79	0,53
	HS được khuyến khích sáng tạo, trở thành người tìm kiếm và giải quyết các vấn đề	3,82	0,49	3,88	0,38	3,83	0,48

	Môi trường có tính cá nhân hóa cao (HS được tham gia ra quyết định, đối xử khác biệt dựa trên nhu cầu cá nhân)	3,77	0,63	3,80	0,41	3,78	0,60
	ĐTB chung	3,78	0,39	3,83	0,31	3,79	0,38
Môi trường hỗ trợ GV	Cải tiến, đổi mới dạy học theo hướng tích cực là mục tiêu mà nhà trường hướng tới	3,69	0,79	3,95	0,83	3,90	0,82
	GV được ghi nhận, đánh giá cao và có phần thưởng xứng đáng cho những cải tiến, đổi mới trong DHTC	3,68	0,79	3,95	0,70	3,89	0,73
	GV được cung cấp đầy đủ nguồn lực để cải tiến, đổi mới giảng dạy	3,91	0,68	4,00	0,64	3,98	0,65
	Sử dụng hiệu quả giảng dạy như một tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại, khen thưởng	3,97	0,64	3,95	0,66	3,96	0,66
	GV được tham gia nhiều hoạt động, sự kiện về DHTC	4,00	0,66	3,99	0,61	3,99	0,62
	GV được tiếp cận với tài liệu về cải tiến, đổi mới DHTC	3,97	0,68	3,97	0,65	3,97	0,66
	ĐTB chung	3,87	0,52	3,97	0,53	3,95	0,53
	ĐTB chung về môi trường tâm lý - xã hội	3,83	0,46	3,90	0,42	3,87	0,46

Kết quả khảo sát cho thấy, ĐTB về môi trường tâm lý - xã hội nằm ở mức 4 - “Đồng ý” với ĐTB=3,84. Kết quả kiểm định Independent Sample T-test cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về ĐTB chung của GV và HS về ĐTB; nhưng có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về ĐTB chung về môi trường hỗ trợ HS của GV và HS ($p=0,00<0,05$; $df=3538$). Trong đó, ĐTB do GV đánh giá cao hơn so với ĐTB do HS đánh giá (3,83 so với 3,78). Kết quả trên cho thấy, nhà trường đã xây dựng được môi trường tâm lý - xã hội tương đối tốt nhằm hỗ trợ, khuyến khích cả GV và HS trong việc tổ chức DHTC. Đối với môi trường lớp học hỗ trợ HS học tích cực, yếu tố “HS có cơ hội tương tác và mọi HS đều nhận được sự quan tâm từ GV” và “HS được khuyến khích sáng tạo, trở thành người tìm kiếm và giải quyết các vấn đề” được đánh giá ở mức đồng ý cao nhất. Đặc trưng cơ bản của DHTC là sự tương tác cao giữa HS với HS, HS với GV và HS với nội dung học tập. HS còn là người chịu trách nhiệm cho việc học của chính mình, đồng thời đảm nhận vai trò đọc, viết, trình bày, tương tác với bạn bè và thầy cô, xác định và giải quyết vấn đề - nói cách khác, là người thực hiện phần lớn các hoạt động trong lớp học (Probst, 2007). Do đó, cơ hội mà GV tạo ra để HS được tăng cường tương tác, trở thành người học có trách nhiệm trong giờ học càng cao thì HS càng học tích cực.

Sự cảm nhận của HS về sự quan tâm từ GV có ảnh hưởng đến thái độ học tập, sự tham gia, động lực học tập và thành tích học tập của HS (Buskirk-Cohen & Plants, 2019). Do đó, khi HS trong lớp đều cảm nhận được sự quan tâm từ phía GV dành cho mình càng cao, các em càng học tập tích cực và tham gia vào mọi hoạt động được tổ chức trong và ngoài giờ học trên lớp. Nội dung “HS được chuẩn bị để học tích cực (trang bị kiến thức về học tập, hình thành kỹ năng học tập được đánh giá ở mức ĐTB thấp nhất. Để GV có thể giảng dạy hiệu quả, họ cần được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng giảng dạy. Tương tự, để HS có thể học tốt, học tích cực và học sâu, các em cần được chuẩn bị đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và năng lực học tập. Nhiều HS rất có ý thức trong học tập nhưng các em chưa biết cách học tích cực. Vì vậy, việc chuẩn bị cho HS học tích cực cần được quan tâm và thực hiện hiệu quả hơn nữa.

Môi trường tâm lý - xã hội hỗ trợ GV trong DHTC được đánh giá cao hơn so với môi trường hỗ trợ HS, với các đặc trưng thể hiện rõ nét và đồng đều, cho thấy nhà trường đang tập trung hiệu quả vào việc tạo điều kiện tinh thần cho GV giảng dạy. Trong DHTC, dù HS thực hiện nhiều hoạt động, GV vẫn phải làm việc nhiều hơn ở cả ba giai đoạn: trước, trong và sau giờ học. Năng lực sư phạm, niềm tin vào HS, tinh thần đổi mới và sự sẵn sàng thay đổi của GV là yếu tố then chốt trong tổ chức DHTC, do đó việc nhà trường ưu tiên hỗ trợ GV là hợp lý. Tuy nhiên, đây là tác động gián tiếp đến HS, trong khi môi trường lớp học và hỗ trợ tinh thần trực tiếp cho HS lại ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả học tập. Vì vậy, GV và nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng môi trường tâm lý tích cực cho HS.

Trong môi trường tinh thần hỗ trợ GV, nội dung “GV được tham gia nhiều hoạt động, sự kiện về DHTC” được đánh giá cao nhất. Việc tham gia các sự kiện, hoạt động này là một phương thức hiệu quả nâng cao năng lực giảng dạy, giúp GV trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật các thành tựu mới nhất trong giảng dạy và học tập. Ngược lại, nội dung “GV được ghi nhận, đánh giá cao và có phần thưởng xứng đáng cho những cải tiến, đổi mới trong giảng dạy tích cực” có mức đánh giá ĐTB thấp nhất. Cảm giác được ghi nhận và có phần thưởng xứng đáng sẽ tạo động lực và khích lệ mạnh mẽ cho GV. Sự công nhận này là công cụ quan trọng mà lãnh đạo nhà trường sử dụng để thể hiện sự quan tâm, coi trọng những nỗ lực và cải tiến của GV, đồng thời thúc đẩy văn hóa cải tiến, đổi mới giảng dạy trong toàn bộ nhà trường.

2.3.3. Môi trường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Bảng 3. Đánh giá của HS và GV về môi trường UDCNTT, chuyển đổi số

Nội dung	HS		GV		Chung	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Môi trường có tính tương tác cao giữa HS-HS, HS-GV cả trong và ngoài phạm vi nhà trường	3,18	0,94	3,61	0,77	3,24	0,93
Xây dựng được kho học liệu số và bài giảng điện tử hỗ trợ dạy học	1,86	0,74	2,18	0,75	1,91	0,75
Kho học liệu số và bài giảng điện tử luôn sẵn sàng để HS và GV có thể tiếp cận và sử dụng	1,79	0,72	2,01	0,64	1,83	0,71
GV, HS thường xuyên sử dụng kho học liệu số, bài giảng điện tử trong học tập và giảng dạy	2,57	0,60	2,99	0,39	2,63	0,59
Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) đáp ứng yêu cầu môn học	1,75	0,88	2,33	0,78	1,84	0,89
Máy tính được đưa vào sử dụng trong giờ học	3,02	0,22	3,27	0,52	3,06	0,30
GV và HS được đào tạo, bồi dưỡng để sử dụng hiệu quả	3,23	0,90	3,56	0,82	3,28	0,90
ĐTB chung về môi trường UDCNTT, chuyển đổi số	2,49	0,49	2,85	0,47	2,54	0,51

Kết quả khảo sát cho thấy, ĐTB về môi trường UDCNTT, chuyển đổi số nằm ở mức 2 - “Không đồng ý” với ĐTB = 2,54 và nằm tiếp cận với mức thấp nhất trong khoảng điểm của mức độ này. Đây là mức ĐTB còn khá thấp. Kết quả kiểm định Independent Sample T-test cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về ĐTB chung của GV và HS ($p=0,00<0,05$; $df=3538$). Trong đó, ĐTB do GV đánh giá cao hơn so với ĐTB do HS đánh giá (ĐTB = 2,85 so với ĐTB = 2,49).

Việc UDCNTT và chuyển đổi số trong giáo dục là nội dung nhận được nhiều sự quan tâm của các cấp quản lý giáo dục trong những năm gần đây. Nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành đã được ban hành nhằm định hướng cho việc triển khai thực hiện trong nhà trường. Chuyển đổi số được xem là xu hướng mới trong việc UDCNTT, giúp nhà trường tận dụng cơ hội và đáp ứng yêu cầu sự phát triển trong lĩnh vực công nghệ. Mặc dù nhận được sự quan tâm của nhà trường, nhưng theo nhận định của GV và HS, môi trường này vẫn còn khá khiêm tốn, chưa thể hiện rõ nét các đặc trưng cơ bản của môi trường UDCNTT, chuyển đổi số trong dạy học. Việc trang bị thiết bị công nghệ là điều kiện cơ bản tối thiểu để UDCNTT, chuyển đổi số nhưng lại bị giới hạn bởi khả năng tài chính và chính sách từ bên ngoài nhà trường. Do đó, để phát huy tính tự chủ, sáng tạo và khắc phục hạn chế từ chính sách đầu tư trang thiết bị; nhà trường đã quan tâm nhiều cho đầu tư vào con người. Đây là hướng đi đúng giúp nhà trường nhanh chóng nâng cao hiệu quả UDCNTT và chuyển đổi số trong dạy học.

Tính tương tác cao trong dạy học cả trong và ngoài nhà trường giữa HS-HS và giữa HS-GV là đặc trưng nổi bật thứ hai trong số các đặc trưng được khảo sát. Mặc dù các trường đã có quan tâm trang bị máy tính hỗ trợ cho dạy học, tuy nhiên xét về số lượng máy tính trên HS còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu trong dạy học tất cả các môn học. Việc xây dựng học liệu số đang trong giai đoạn đầu, nên chưa xây dựng được nguồn học liệu phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu học tập các môn học, học tập trực tuyến. Hơn nữa hệ thống mạng Internet không ổn định nên tính sẵn sàng của kho học liệu số và bài giảng điện tử chưa cao, HS và GV khó có thể truy cập mọi lúc mọi nơi phục vụ nhu cầu học tập của bản thân. Phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) được xem là không gian học tập tích cực có tác động mạnh mẽ đến tính tích cực học tập của HS cũng như việc tổ chức dạy học của GV; tuy nhiên, hiện tại hầu hết các trường vẫn chưa xây dựng được.

2.4. Một số khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc xây dựng môi trường hỗ trợ DHTC tại các trường đã đạt được một số thành tựu. Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện hiệu quả việc tạo dựng môi trường hỗ trợ dạy học, với ba loại môi trường nhận được sự chú trọng, góp phần hỗ trợ tối đa cho GV và HS. Môi trường tâm lý - xã hội đạt hiệu quả cao, giúp nhà trường tạo động lực vượt qua khó khăn và thể hiện vai trò tự chủ trong quá trình triển khai dạy học. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục, như mức độ hiệu quả chưa đồng đều giữa các môi trường và sự thiếu hụt trong môi trường UDCNTT và chuyển đổi số, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu dạy học, chưa xây dựng không gian học tập tích cực cho HS. Để nâng cao hiệu quả, chúng tôi khuyến nghị tăng cường các biện pháp phù hợp nhằm hoàn thiện môi trường học tập như sau:

- *Đối với nhà trường*: Tăng cường đầu tư phát triển môi trường UDCNTT, chuyển đổi số; củng cố cơ sở vật chất; duy trì và phát huy môi trường tâm lý - xã hội tích cực; Xây dựng kế hoạch tổng thể về phát triển môi trường DHTC hóa hoạt động của HS, với sự tham gia của toàn bộ các bên liên quan; - *Đối với các cấp quản lý giáo dục*: + Ban hành

chính sách hỗ trợ nhà trường trong xây dựng môi trường DHTC, đặc biệt là về cơ sở vật chất và UDCNTT; + Tổ chức đánh giá, giám sát thường xuyên và khen thưởng kịp thời các mô hình nhà trường tiêu biểu;

- *Đối với CBQL trường học*: Cần xác định, phổ biến các tiêu chí về môi trường DHTC hóa hoạt động của HS; định hướng, lãnh đạo, kiểm tra và cải tiến liên tục các yếu tố môi trường; thực hiện vai trò làm gương trong xây dựng môi trường nhà trường tích cực;

- *Đối với GV*: Không ngừng học tập, bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và tạo dựng môi trường lớp học tích cực, lấy HS làm trung tâm; Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và đồng nghiệp để xây dựng một môi trường hỗ trợ tối đa cho hoạt động học tập chủ động của HS;

- *Đối với HS*: Chủ động học tập, rèn luyện phương pháp học và các chiến lược học tập hiệu quả; tích cực tham gia xây dựng môi trường học tập lành mạnh, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập;

- *Đối với cha mẹ HS*: Chủ động tìm hiểu về nhu cầu, phương pháp học tập của con; hợp tác chặt chẽ với nhà trường và GV để tạo môi trường học tập tích cực, đồng hành cùng con trong quá trình học tập.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của GV và HS về môi trường hỗ trợ DHTC ở mức 3 - “Phân vân”. Trong 3 loại môi trường thì môi trường UDCNTT và chuyển đổi số được đánh giá ở mức thấp nhất. Do đó, việc nâng cao hơn nữa hiệu quả xây dựng môi trường DHTC là hết sức cần thiết. Nghiên cứu này chỉ dừng lại tìm hiểu nhận thức của GV và HS về việc xây dựng môi trường hỗ trợ DHTC trong hoạt động học tập ở cấp THPT, việc thực hiện các nghiên cứu tiếp theo trên các khu vực khác và đối tượng, bậc học khác sẽ cung cấp thêm cơ sở thực tiễn quan trọng cho nhà trường trong việc xây dựng biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng môi trường hỗ trợ DHTC.

Tài liệu tham khảo

- Ahmed, Y., Taha, M. H., Al-Neel, S., & Gaffar, A. M. (2018). Students' perception of the learning environment and its relation to their study year and performance in Sudan. *International Journal of Medical Education*, 9, 145-150.
- Amirul, N. J., Ahmad, C. N., Yahya, A. F., Abdullah, M. F. N. L., Noh, N. M., & Adnan, M. (2013). The physical classroom learning environment. In *Proceedings of the International Higher Education Teaching and Learning Conference*, 2(1), 1-9.
- Baepler, P., J. D. Walker, D. C. Brooks, K. Saichaie, and C. I. Petersen (2016). *A Guide to Teaching in the Active Learning Classroom: History, Research, and Practice*. Sterling, Virginia: Stylus Publishing, LLC.
- Bonwell, C. C., & Eison, J. A. (1991). *Active Learning: Creating Excitement in the Classroom*. ASHE-ERIC Higher Education Report No. 1. Washington, DC: School of Education and Human Development, George Washington University.
- Buskirk-Cohen, A. A., & Plants, A. (2019). Caring about Success: Students' perceptions of professors' caring matters more than grit. *International Journal of Teaching and Learning in Higher Education*, 31(1), 108-114.
- Dimmock, C. (2005). *Designing the learning-centred school: A cross-cultural perspective*. Routledge.
- Grabinger, R. S., & Dunlap, J. C. (1995). Rich environments for active learning: A definition. *Research in Learning Technology*, 3(2), 5-34.
- Lê Đức Quảng (2018). Vai trò của giáo viên trong việc xây dựng môi trường học tập tích cực. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Tân Trào*, 10, 92-98.
- OECD (2021). *Teachers and Leaders in Vocational Education and Training*. OECD Publishing.
- Prince, M. (2004). Does active learning work? A review of the research. *Journal of Engineering Education*, 93(3), 223-231. <https://doi.org/10.1002/j.2168-9830.2004.tb00809.x>
- Probst, R.E. (2007). Tom Sawyer, teaching and talking. In K. Beers, R.E. Probst, & L. Rief, *Adolescent literacy: Turning promise into practice* (pp. 43-60). Portsmouth, NH: Heinemann.
- Reaves, S. J., & Cozzens, J. A. (2018). Teacher perceptions of climate, motivation, and self-efficacy: Is there really a connection. *Journal of Education and Training Studies*, 6(12), 48-67.
- Talbert, R., & Mor-Avi, A. (2019). A space for learning: An analysis of research on active learning spaces. *Heliyon*, 5(12), e02967.
- Trần Bá Hoàn (2005). *Dạy học phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh*. NXB Giáo dục.
- Walter, E. M., Beach, A. L., Henderson, C., Williams, C. T., & Ceballos-Madrigal, I. (2021). Understanding conditions for teaching innovation in postsecondary education: Development and Validation of the Survey of Climate for Instructional Improvement (SCII). *International Journal of Technology in Education*, 4(2), 166-199.